

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành : CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ
- Mã ngành : 6510202
- Trình độ đào tạo : CAO ĐẲNG
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Học sinh Tốt nghiệp trung THPT hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo : 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô được thiết kế để đào tạo kỹ thuật viên trình độ cao đẳng có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.1. Kiến thức:

- + Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô;
- + Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- + Hiểu được cách đọc bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- + Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô;
- + Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.

2.1.2. Kỹ năng:

- + Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô;
- + Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;
- + Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;
- + Có khả năng tiếp thu công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- + Kèm cặp và hướng dẫn tay nghề cho thợ bậc thấp hơn.

2.1.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- + Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định của đơn vị;
- + Tuân thủ chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp;

- + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật, có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, có khả năng giao tiếp tốt; trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác;
- + Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả;
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ứng dụng nhu cầu của công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Người lao động kỹ thuật có trình độ Cao đẳng sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp và các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, được phân công làm việc ở các vị trí:

- Người quản lý, điều hành tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Nhân viên tư vấn dịch vụ hoặc làm chủ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;
- Người quản lý hay kỹ thuật viên tại các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.
- Chuyên viên tại các trạm đăng kiểm ô tô.
- Tham gia vận hành sản xuất các ngành cơ khí khác liên quan.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 35
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.475 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.040 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 787 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1.688 giờ
- Thời gian khóa học: 2,5 năm

3. Nội dung chương trình

3. Nội dung chương trình

Mã MH/NĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung					
6M0021	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
6M0022	Pháp luật	2	30	18	10	2
6M0023	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
6M0024	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
6M0025	Tin học	3	75	15	58	2

6M0026	Tiếng Anh	5	120	30	85	5
Tổng		20	435	145	268	22
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	345	241	83	21
6M0516	Cơ kỹ thuật	3	45	39	3	3
6M0517	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	27	3
6M0518	Dung sai – Kỹ thuật đo	2	30	23	5	2
6M0519	Nguyên lý – Chi tiết máy	3	45	30	12	3
6M0520	Kỹ thuật điện – điện tử	3	45	39	3	3
6M0521	An toàn và môi trường công nghiệp	2	30	26	2	2
6M0522	Vật liệu cơ khí - Công nghệ kim loại	3	45	39	3	3
6M0523	Auto CAD căn bản	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành	54	1305	381	871	53
6M0524	Cấu tạo ô tô	4	60	52	4	4
6M0525	Hệ thống điện và điện tử trên ô tô	3	45	40	2	3
6M0526	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	3	45	39	3	3
6M0527	Kỹ thuật kiểm định ô tô	3	45	39	3	3
6M0528	Khí thải ô tô và môi trường	2	30	25	3	2
6M0529	Hệ thống phanh chống hãm cứng ABS	2	30	25	3	2
6M0530	Điều hòa nhiệt độ ô tô	2	30	25	3	2
6Đ0531	Thực tập Ngụội – Hàn cơ bản	2	60	6	52	2
6Đ0532	Bảo dưỡng và sửa chữa (BD & SC) động cơ	4	120	14	102	4
6Đ0533	BD & SC HT nhiên liệu đ/c xăng (BCHK)	3	90	8	79	3
6Đ0534	BD & SC HT phun xăng điện tử	3	90	10	77	3
6Đ0535	BD & SC HT nhiên liệu động cơ diesel	4	120	11	105	4
6Đ0536	BD & SC HT Điện động cơ	3	90	8	79	3
6Đ0537	BD & SC HT Điện thân xe	3	90	11	76	3
6Đ0538	BD & SC HT truyền lực	5	150	18	128	4
6Đ0539	BD & SC HT di chuyển	2	60	8	50	2
6Đ0540	BD & SC HT phanh, HT lái ô tô	3	90	12	75	3
6M0541	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	3	60	30	27	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	4	120	20	96	4



6Đ0542	Kỹ thuật lái xe cơ bản(*)	2	60	14	44	2
6Đ0543	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe gắn máy(*)	2	60	6	52	2
6Đ0544	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	11	47	2
6Đ0545	Sử dụng máy chẩn đoán, đọc lỗi	2	60	12	46	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp					
6M0546	Thực tập tại cơ sở sản xuất (TT tốt nghiệp)	6	270	0	270	0
Tổng cộng		105	2.475	787	1.588	100

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung, bắt buộc: Do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/Ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho HSSV khi mới nhập trường; Học tập tuần công tác HSSV
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất;
- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện HSSV;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN
1	Thể dục, thể thao:	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, HSSV có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quy chế đào tạo ban hành kèm Quyết định số 790/QĐ-CĐBT ngày 24 tháng 09 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Bến Tre quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; Các môn học chung thực hiện kiểm tra đánh giá theo Chương trình môn học, mô đun do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được thực hiện kết thúc môn học, mô đun.
- Thời gian tổ chức kiểm tra lại môn học, mô đun được thực hiện ở học kỳ hè.
- Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá môn học, mô đun được xác định cụ thể và có hướng dẫn trong chương trình từng môn học, mô đun (*chương trình MH, MD chi tiết kèm theo*).

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng “Công nghệ kỹ thuật ô tô” và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo theo Quyết định số 790/QĐ-CĐBT ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre; có chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản, chứng chỉ Tiếng Anh bậc 2 theo khung 6 bậc Việt Nam.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Kỹ sư thực hành cho người học.

4.5. Các chú ý khác:

- Các môn học chung được tổ chức thực hiện theo qui định chung của nhà trường, đảm bảo phù hợp với qui mô đào tạo và lực lượng giáo viên.
- Thực hành nghề được thực hiện tại các xưởng thực tập ngay tại trường nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;
- Thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở doanh nghiệp, công ty, xí nghiệp ngoài trường.

HIỆU TRƯỞNG



T.S. Nguyễn Văn Huân

Phụ lục:

SƠ ĐỒ MỐI QUAN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Mã ngành: 6510202 - Trình độ: Cao đẳng

